

NGHỊ QUYẾT

**Ban hành Quy định nội dung, định mức xây dựng dự toán đối với
nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước
trên địa bàn tỉnh Đắk Nông**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG
KHÓA IV, KỲ HỌP THỨ 7**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm
pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Chuyển giao công nghệ ngày 19 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020;

*Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của
Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật
Khoa học và Công nghệ;*

*Căn cứ Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2014 của
Chính phủ quy định về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và
công nghệ;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 09/2020/TT-BKHCN ngày 25 tháng 12 năm 2020 của
Bộ Khoa học và Công nghệ quy định các biểu mẫu phục vụ thẩm định hoặc có ý
kiến về công nghệ dự án đầu tư;*

*Căn cứ Thông tư số 03/2023/TT-BTC ngày 10 tháng 01 năm 2023 của
Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí
ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2023/TT-BKHCN ngày 08 tháng 5 năm 2023 của
Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn một số nội dung chuyên môn phục vụ công*

phk

tác xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước;

Xét Tờ trình số 6854/TTr-UBND ngày 10 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành Nghị quyết ban hành Quy định nội dung, định mức xây dựng dự toán đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Đắk Nông; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định nội dung, định mức xây dựng dự toán đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định của pháp luật.

Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông Khóa IV, Kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 13 tháng 12 năm 2023 và có hiệu lực từ ngày 23 tháng 12 năm 2023./.

Nơi nhận:

- UBND Quốc hội, Chính phủ;
- Các Bộ: KH-CN, TC;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UBND tỉnh, Ủy ban MTTQ VN tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh; ĐB HĐND tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
- Các Sở, Ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Báo Đắk Nông, Đài PT-TH tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh; Công báo tỉnh;
- Trung tâm Lưu trữ - Sở Nội vụ;
- Website cơ quan;
- Lưu: VT, CTHĐND, HC-TC-QT. HSKH.

CHỦ TỊCH



Lưu Văn Trung

QUY ĐỊNH

**Nội dung, định mức xây dựng dự toán đối với nhiệm vụ
khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước
trên địa bàn tỉnh Đắk Nông**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 20/2023/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm
2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định nội dung, định mức xây dựng dự toán đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước và thực hiện thẩm định hoặc lấy ý kiến về công nghệ dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

2. Đối tượng áp dụng

- a) Các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ;
- b) Các cơ quan quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ;
- c) Các tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước và các tổ chức cá nhân khác có liên quan;
- d) Cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động thực hiện thẩm định hoặc lấy ý kiến về công nghệ dự án đầu tư.

Điều 2. Nguyên tắc áp dụng

1. Các định mức xây dựng dự toán trong quy định này là định mức tối đa áp dụng đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

2. Các nội dung khác liên quan đến lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Đắk Nông không quy định tại Quy định này được thực hiện theo Thông tư số 03/2023/TT-BTC ngày 10/01/2023 của Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực

ph

hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ và các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành khác có liên quan.

Chương II **NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

Điều 3. Định mức làm căn cứ xây dựng dự toán kinh phí nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước

1. Dự toán chi thù lao tham gia nhiệm vụ khoa học và công nghệ

a) Định mức chi thù lao cho các chức danh (Chủ nhiệm nhiệm vụ; Thư ký khoa học) hoặc nhóm chức danh (Thành viên chính; Thành viên; Kỹ thuật viên, Nhân viên hỗ trợ) thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ được tính theo số tháng quy đổi tham gia thực hiện nhiệm vụ, cụ thể như sau:

Bảng 1. Định mức chi thù lao cho các chức danh hoặc nhóm chức danh thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh (1000 VNĐ)	Nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (1000 VNĐ)
1	Chủ nhiệm nhiệm vụ	Người/tháng	28.000	20.000
2	Thành viên chính	Người/tháng	22.400	16.000
3	Thành viên	Người/tháng	11.200	8.000
4	Thư ký khoa học	Người/tháng	8.400	6.000
5	Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ	Người/tháng	5.600	4.000

b) Tiền công thuê lao động phổ thông hỗ trợ các công việc trong nội dung nghiên cứu (nếu có) được thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 4 Thông tư số 03/2023/TT-BTC.

2. Dự toán thuê chuyên gia trong nước, chuyên gia ngoài nước phối hợp nghiên cứu, thực hiện nhiệm vụ

Dự toán thuê chuyên gia trong nước, chuyên gia ngoài nước phối hợp nghiên cứu, thực hiện nhiệm vụ thực hiện theo quy định tại Điều 7 Thông tư số 02/2023/TT-BKHCN và khoản 2 Điều 4 Thông tư số 03/2023/TT-BTC.

3. Dự toán chi hội nghị, hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học, công tác phí trong nước, hợp tác quốc tế (đoàn ra, đoàn vào) phục vụ hoạt động nghiên cứu thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 24/2017/NQ-HĐND ngày

phb

14/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông ban hành quy định các mức chi về công tác phí, chi hội nghị đối với các cơ quan, đơn vị có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Đắk Nông; Nghị quyết số 05/2019/NQ-HĐND ngày 19/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông ban hành quy định các mức chi tiếp khách nước ngoài, chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế, chi tiếp khách trong nước trên địa bàn tỉnh Đắk Nông; Thông tư số 102/2012/TT-BTC ngày 21/6/2012 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí cho cán bộ, công chức Nhà nước đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí.

Ngoài ra, Quy định này quy định mức xây dựng dự toán chi thù lao tham gia hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học như sau:

Bảng 2: Định mức dự toán chi thù lao tham gia hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh (1.000 VNĐ)	Nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (1.000 VNĐ)
1	Người chủ trì	buổi	1.400	1.000
2	Thư ký hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học	buổi	350	250
3	Báo cáo viên trình bày tại hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học	báo cáo	2.100	1.500
4	Báo cáo khoa học được cơ quan tổ chức đề nghị viết báo cáo nhưng không trình bày tại hội thảo, diễn đàn, tọa đàm khoa học	báo cáo	1.050	750
5	Thành viên tham gia hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học	buổi	210	150

4. Dự toán chi điều tra, khảo sát thu thập số liệu

Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30/6/2016 của Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê, tổng điều tra thống kê quốc gia và Thông tư số 37/2022/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2022 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung khoản 9, Điều 3 và Mẫu số 01 kèm theo Thông tư



số 109/2016/TT-BTC ngày 30/6/2016 của Bộ Tài chính; Nghị quyết số 04/2019/NQ-HĐND ngày 19/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông về việc quy định nội dung chi, mức chi thực hiện các cuộc điều tra thống kê trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

5. Dự toán chi hợp tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (nếu có) được xây dựng trên cơ sở số lượng thành viên tham gia đánh giá với mức chi bằng 50% mức chi cho Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu chính thức nhiệm vụ khoa học và công nghệ được quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 4 Quy định này.

6. Dự toán chi quản lý chung nhiệm vụ khoa học và công nghệ

Tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước được dự toán các nội dung chi quản lý chung phục vụ nhiệm vụ khoa học và công nghệ để đảm bảo triển khai nhiệm vụ khoa học và công nghệ tại tổ chức chủ trì. Dự toán kinh phí quản lý chung nhiệm vụ khoa học và công nghệ:

- Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh bằng 5% tổng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước (không quá 210.000.000 đồng/nhiệm vụ).

- Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở bằng 5% tổng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước (không quá 150.000.000 đồng/nhiệm vụ).

Điều 4. Một số định mức chi quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Chi hoạt động của các Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ

a) Chi tiền thù lao

Bảng 3. Mức chi tiền thù lao của các Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh (1.000 VNĐ)	Nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (1.000 VNĐ)
1	Chi tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ			
a	Chi hợp Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ	Hội đồng		

phh

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh (1.000 VNĐ)	Nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (1.000 VNĐ)
	Chủ tịch Hội đồng		1.350	900
	Phó Chủ tịch Hội đồng; thành viên Hội đồng		900	600
	Thư ký khoa học		270	180
	Thư ký hành chính		270	180
	Đại biểu được mời tham dự		180	120
b	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét đánh giá		
	Nhận xét đánh giá của Ủy viên Hội đồng		450	300
	Nhận xét đánh giá của Ủy viên phản biện trong Hội đồng		630	420
c	Chi thù lao xây dựng yêu cầu đặt hàng đối với các nhiệm vụ đề xuất thực hiện	Nhiệm vụ		
	Chủ tịch Hội đồng		630	420
	Phó Chủ tịch Hội đồng; thành viên Hội đồng		450	300
2	Chi về tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ			
a	Chi họp Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ	Hội đồng		
	Chủ tịch Hội đồng		1.620	1.080
	Phó Chủ tịch Hội đồng; thành viên Hội đồng		1.350	900
	Thư ký khoa học		270	180
	Thư ký hành chính		270	180
	Đại biểu được mời tham dự		180	120

phh

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh (1.000 VNĐ)	Nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (1.000 VNĐ)
b	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét đánh giá		
	Nhận xét đánh giá của Ủy viên Hội đồng		630	420
	Nhận xét đánh giá của Ủy viên phản biện trong Hội đồng		900	600
3	Chi tư vấn đánh giá nghiệm thu chính thức nhiệm vụ khoa học và công nghệ			
a	Chi họp Hội đồng nghiệm thu	Nhiệm vụ		
	Chủ tịch Hội đồng		1.620	1.080
	Phó Chủ tịch Hội đồng; thành viên Hội đồng		1.350	900
	Thư ký khoa học		270	180
	Thư ký hành chính		270	180
	Đại biểu được mời tham dự		180	120
b	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét đánh giá		
	Nhận xét đánh giá của Ủy viên Hội đồng		630	420
	Nhận xét đánh giá của Ủy viên phản biện trong Hội đồng		900	600
4	Chi thù lao chuyên gia xử lý các vấn đề kỹ thuật hỗ trợ cho hoạt động của Hội đồng.	Chuyên gia	1.350	900

b) Dự toán chi hoạt động của các Hội đồng tư vấn khác được quy định tại Thông tư quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Bộ Khoa học và Công nghệ (nếu có) được áp dụng bằng 50% mức chi của Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu chính thức nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định tại điểm a, khoản 1 Điều này.

phk

2. Chi hoạt động của tổ thẩm định kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ; tổ chuyên gia tư vấn đánh giá, nghiệm thu kết quả sản phẩm của nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

a) Chi tiền thù lao của tổ thẩm định kinh phí; tổ chuyên gia tư vấn đánh giá, nghiệm thu kết quả sản phẩm của nhiệm vụ khoa học và công nghệ:

Bảng 4. Định mức chi tiền thù lao của tổ thẩm định kinh phí; tổ chuyên gia tư vấn đánh giá, nghiệm thu kết quả sản phẩm của nhiệm vụ khoa học và công nghệ

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh (1.000 VNĐ)	Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở (1.000 VNĐ)
1	Tổ trưởng	Nhiệm vụ	900	600
2	Thành viên	Nhiệm vụ	630	420
3	Thư ký hành chính	Nhiệm vụ	270	180
4	Đại biểu được mời tham dự	Nhiệm vụ	180	120

b) Chi hậu cần phục vụ hoạt động của tổ thẩm định kinh phí được xây dựng dự toán trên cơ sở dự kiến khối lượng công việc và các quy định hiện hành của pháp luật.

3. Định mức chi hoạt động thực hiện thẩm định hoặc lấy ý kiến về công nghệ dự án đầu tư

a) Định mức chi thù lao:

Bảng 5. Định mức chi thù lao của Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ và tổ chức, chuyên gia tư vấn độc lập thực hiện thẩm định hoặc lấy ý kiến về công nghệ dự án đầu tư

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Định mức (1.000 VNĐ)
1	Chi Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ		

phuk

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Định mức (1.000 VNĐ)
a	Chi hợp Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ	Dự án	
	Chủ tịch Hội đồng		810
	Phó Chủ tịch Hội đồng; thành viên Hội đồng		675
	Thư ký khoa học		135
	Thư ký hành chính		135
	Đại biểu được mời tham dự		90
b	Chi nhận xét đánh giá	Phiếu nhận xét đánh giá	
	Nhận xét đánh giá của Ủy viên Hội đồng		315
	Nhận xét đánh giá của Ủy viên phản biện trong Hội đồng		450
2	Chi thù lao cho tổ chức, chuyên gia tư vấn độc lập	Phiếu ý kiến	675

b) Hỗ trợ công tác phí cho các thành viên Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ, chuyên gia tư vấn độc lập (làm việc ngoài tỉnh) về công nghệ dự án đầu tư được áp dụng theo mức chi về chế độ công tác phí tại Nghị quyết số 24/2017/NQ-HĐND ngày 14/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông ban hành quy định các mức chi về công tác phí, chi hội nghị đối với các cơ quan, đơn vị có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

4. Dự toán chi thuê chuyên gia tư vấn độc lập

Các trường hợp cần thiết phải thuê chuyên gia tư vấn, đánh giá độc lập thực hiện theo quy định tại khoản 1, Điều 8 Thông tư số 02/2023/TT-BKHCN. Tổng mức dự toán chi thuê chuyên gia tư vấn, đánh giá độc lập được tính bằng 5 lần mức chi thù lao (gồm tiền hợp Hội đồng của Chủ tịch Hội đồng và chi nhận xét đánh giá của Ủy viên phản biện trong Hội đồng) của Hội đồng tương ứng và do cơ quan có thẩm quyền quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ quyết định và chịu trách nhiệm.

rlh

5. Dự toán chi công tác kiểm tra, đánh giá trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ; kiểm tra, đánh giá sau giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ:

a) Dự toán chi công tác phí cho đoàn kiểm tra, đánh giá được xây dựng theo quy định tại Nghị quyết số 24/2017/NQ-HĐND ngày 14/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông ban hành quy định các mức chi về công tác phí, chi hội nghị đối với các cơ quan, đơn vị có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

b) Dự toán chi thù lao cho Hội đồng đánh giá nhiệm vụ khoa học và công nghệ (trong trường hợp cần thiết có Hội đồng đánh giá) được áp dụng bằng 50% mức chi của Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định tại điểm a, khoản 1 Điều này.

6. Đối với các Chương trình khoa học và công nghệ cấp tỉnh có thành lập các Ban Chủ nhiệm chương trình theo Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh: Mức chi các cuộc họp định kỳ và đột xuất của Ban Chủ nhiệm áp dụng theo mức chi của Hội đồng tư vấn tuyển chọn hoặc giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định tại điểm a, khoản 1 Điều này.

7. Các nội dung chi, định mức chi khác liên quan trực tiếp đến hoạt động quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ được xây dựng trên cơ sở dự kiến khối lượng công việc và các quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 5. Nguồn kinh phí thực hiện

1. Nguồn chi sự nghiệp khoa học và công nghệ thuộc ngân sách tỉnh.

2. Kinh phí của các cơ quan, tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp tham gia đối ứng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

3. Kinh phí huy động từ các nguồn hợp pháp khác.

4. Đối với hoạt động thực hiện thẩm định hoặc lấy ý kiến về công nghệ dự án đầu tư

a) Kinh phí tổ chức lấy ý kiến về công nghệ trong dự án đầu tư được thực hiện như sau:

- Trong giai đoạn quyết định chủ trương đầu tư được bảo đảm bằng ngân sách nhà nước;

- Trong giai đoạn quyết định đầu tư do chủ đầu tư chịu trách nhiệm và được tính trong tổng mức đầu tư.

pkh

b) Đối với hoạt động thẩm định công nghệ dự án đầu tư thuộc chức năng, nhiệm vụ của Sở Khoa học và Công nghệ được thực hiện từ nguồn ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ của tỉnh.

c) Đối với hoạt động thẩm định công nghệ dự án đầu tư thuộc chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh khác được thực hiện từ nguồn ngân sách nhà nước theo quy định.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 6. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt thuyết minh và kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ trước ngày Quy định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục áp dụng theo các quy định tại thời điểm phê duyệt nhiệm vụ cho đến khi kết thúc thời gian thực hiện nhiệm vụ.

2. Trường hợp văn bản dẫn chiếu tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế bằng các văn bản khác của cấp có thẩm quyền thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

Trong quá trình thực hiện Quy định này, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Ủy ban nhân dân tỉnh để trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

phh